

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Dung
2. Ông Hoàng Xuân Mẫn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm: 1998.

HKTT: Tổ 8, ấp P, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

**2. Bị đơn:** Anh Lê Thanh D, sinh năm: 1995.

HKTT: Tổ 8, ấp P, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M và anh D đều vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2019, bản khai, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Ngà, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/02/2016. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh D ngoại tình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay chị và anh D đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Chị nhận thấy

không còn tình cảm vợ chồng với anh D, không thể đoàn tụ chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung tên là Lê Hải Đ, sinh ngày 25/10/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung. Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 11/5/2020 và biên bản làm việc ngày 15/6/2020 thì chị yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nay chị thay đổi yêu cầu, cụ thể: chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

**- Theo bản khai ngày 15/6/2020 và biên bản làm việc ngày 15/6/2020 bị đơn anh Lê Thanh D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Ngà, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/02/2016. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do anh làm ăn thất thoát và có người yêu ngoài đường nên anh và chị M sống ly thân đến nay. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 01 con chung tên là Lê Hải Đ, sinh ngày 25/10/2014. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị M và anh D đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M. Đề nghị cho chị M được ly hôn với anh Lê Thanh D.

Về con chung: Con chung đang sống cùng mẹ, anh D yêu cầu nuôi con nhưng không đến Tòa án thỏa thuận việc nuôi con chung nên đề nghị giao con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên tạm thời anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M, anh D được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Thanh D đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lê Thanh D cư trú tại ấp P, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Lê Thanh D đăng ký kết hôn năm 2016 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Lê Thanh D tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã La Ngà và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/4/2017 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M: Qua xem xét lời trình bày của chị M và anh D, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị M và anh D thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, đã ly thân, không có khả năng đoàn tụ. Như vậy, cuộc sống vợ chồng của chị M và anh D đã vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, những mâu thuẫn gia đình đã xảy ra không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị M và anh D đã có mâu thuẫn, không còn khả năng đoàn tụ, anh D cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, giải quyết cho chị M được ly hôn với anh D theo quy định tại Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung tên là Lê Hải Đ, sinh ngày 25/10/2014, hiện đang do chị M nuôi dưỡng. Xét thấy, chị M đang nuôi con tốt, có việc làm ổn định, anh D yêu cầu được nuôi con sau ly hôn nhưng không để

Tòa đề hòa giải việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị M chưa yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, anh D có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị M, anh D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh M. Chị Nguyễn Thị Thanh M được ly hôn với anh Lê Thanh D.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lê Hải Đ, sinh ngày 25/10/2014 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị M, anh D có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai số 0005062 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được chuyển thành tiền án phí. Chị M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh M và anh Lê Thanh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã La Ngà;
- Lưu.

**Phan Thanh Hà**

-----  
**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thanh Hà**

